

Số: /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ
và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư quy định các điều kiện tối thiểu bảo đảm chất lượng về tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài bảo đảm an ninh, an toàn, khách quan, công bằng, nghiêm túc, chất lượng trong công tác tổ chức thi và trách nhiệm của các cơ quan quản lý.

2. Thông tư này áp dụng với:

a) Các Đại học, Học viện, Trường Đại học (gọi chung là các cơ sở giáo dục đại học) có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ;

b) Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có đào tạo ngành văn học, sư phạm ngữ văn, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ là các cơ sở giáo dục đại

học có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ thực hiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. *Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt* là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có đào tạo ngành văn học, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, sư phạm ngữ văn và các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài thực hiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3. *Đơn vị liên kết tổ chức thi* là các cơ sở giáo dục tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài có thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác với các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và/hoặc đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 3. Chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tiếng Việt

1. Chứng chỉ ngoại ngữ được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam từ bậc 1 đến bậc 6.

2. Chứng chỉ tiếng Việt được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng từ bậc 1 đến bậc 6 của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3. Việc cấp, phát chứng chỉ được thực hiện theo quy định cấp phát chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành.

4. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tiếng Việt do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định tùy theo mục đích, yêu cầu của từng công việc cụ thể.

Điều 4. Tiêu chuẩn đơn vị tổ chức thi

Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải đáp ứng đủ 6 tiêu chuẩn với 18 tiêu chí tại Phụ lục I.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thi

1. Xây dựng đề án tổ chức thi theo mẫu tại Phụ lục II, công khai đề án trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình trước ngày tổ chức thi tối thiểu 30 ngày. Trước khi đăng tải trên cổng thông tin điện tử của mình, các đơn vị phải gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để phục vụ công tác quản lý và công khai danh sách các đơn vị đáp ứng các quy định của Thông tư này để tổ chức thi.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác tổ chức thi và liên quan trước, trong và sau mỗi kỳ thi; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thi bảo đảm an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc; phân công rõ trách nhiệm các bộ phận tham gia tổ chức thi; bảo mật đề thi trước, trong và sau các đợt tổ chức thi. Có phương án rà soát, kiểm tra để phòng, chống việc thi thay thi hộ. Thực hiện chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của thí sinh (ảnh, căn cước công dân/căn cước, kết quả thi) theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Lưu trữ hồ sơ về quá trình tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng Việt. Đơn vị tổ chức thi lưu trữ:

a) Vĩnh viễn danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ;

b) Dữ liệu bài thi, dữ liệu từ các camera giám sát phòng thi, phòng chấm thi, khu vực đặt máy chủ, hồ sơ coi thi, hồ sơ chấm thi, Đĩa CD hoặc DVD chứa đề thi và các biên bản xử lý (nếu có) theo quy định hiện hành.

4. Cung cấp các tài liệu liên quan đến việc tổ chức thi, đề thi, cấp chứng chỉ; minh chứng về việc tổ chức thi an toàn, nghiêm túc, không có gian lận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Tiếp nhận và xử lý các vướng mắc liên quan đến cấp, phát chứng chỉ; các phản ánh, kiến nghị liên quan đến công tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo và cập nhật cơ sở dữ liệu trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm về số liệu tổng hợp kết quả ngoại ngữ hoặc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Phụ lục III.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tổ chức thi bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về công tác tổ chức thi, chất lượng của kỳ thi.

Điều 6. Trách nhiệm đơn vị liên kết tổ chức thi

1. Đơn vị liên kết tổ chức thi phải bảo đảm về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ nhân sự. Riêng đối với đơn vị liên kết tổ chức thi ở nước ngoài phải có pháp nhân được chính quyền nước sở tại công nhận. Kịp thời cung cấp minh chứng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2. Thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn theo đúng thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác trong quá trình liên kết tổ chức thi bảo đảm an ninh, an toàn, chất lượng.

3. Đơn vị liên kết không được cấp chứng chỉ.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, thực hiện việc kiểm tra hoạt động của các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo quy định hiện hành.

2. Đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ các đơn vị tổ chức thi và đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí; quy trình, quy định theo Thông tư này; công bố công khai và cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

3. Các đơn vị tổ chức thi có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát và duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí và các quy định để tổ chức thi theo đúng quy định của Thông tư này. Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với thí sinh dự thi, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên có liên quan về chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức thi, liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo quy định hiện hành.

Điều 8. Xử lý đơn vị tổ chức thi, người tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm quy định

1. Tùy theo mức độ vi phạm của đơn vị tổ chức thi, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét dừng và/hoặc không được tổ chức thi của các đơn vị. Thời gian của việc dừng và/hoặc không được tổ chức thi cho đến khi đơn vị bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định này.

2. Người tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác có hành vi vi phạm quy định tổ chức thi, sẽ bị xử lý theo các quy định.

3. Thí sinh vi phạm quy định tổ chức thi đều phải lập biên bản, xử lý và thông báo cho thí sinh. Khi thí sinh sử dụng tài liệu thì huỷ kết quả; thi hộ, thi thay, có hành động gây rối, phá hoại kỳ thi, hành hung người tổ chức thi hoặc thí sinh khác thì huỷ kết quả, cấm thi 02 năm đối với kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ/tiếng Việt trên toàn quốc và xử lý theo các quy định khác của pháp luật. Các trường hợp khác tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, đơn vị tổ chức thi xem xét quyết định hình thức xử lý đối với thí sinh như khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ, huỷ kết quả thi.

4. Các hành vi vi phạm bị phát hiện trong kỳ thi hoặc sau kỳ thi đều phải được xử lý nghiêm. Dữ liệu từ camera giám sát là một trong các căn cứ chính thức để xem xét xử lý các vi phạm.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị đang thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt trước ngày ban hành Thông tư này được phép sử dụng đề thi và hình thức thi theo quy định Thông tư 27/2017/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến hết ngày 31/12/2027.

2. Các đơn vị đang thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trước ngày ban hành Thông tư này được phép tiếp tục tổ chức thi và cấp chứng chỉ cho đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025

2. Thông tư này thay thế: Thông tư 27/2017/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài; Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng QGGD và PTNL;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Như Điều 8;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

PHỤ LỤC I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ CỦA ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI

(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDDT ngày tháng năm)

I. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản trị

1. Tiêu chí 1.1: Đơn vị tổ chức thi ban hành hệ thống văn bản bao gồm: quy chế, quy định nội bộ bảo đảm phân công rõ trách nhiệm của các bộ phận, nhân sự tham gia tổ chức thi và các đơn vị liên kết tổ chức thi (nếu có).

2. Tiêu chí 1.2: Ban hành quy định bảo mật ngân hàng câu hỏi thi, đề thi.

3. Tiêu chí 1.3: Ban hành quy định và quy trình rà soát, kiểm tra đề phòng, chống việc thi thay, thi hộ, bảo đảm các khâu, các bước tổ chức thi an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc.

II. Tiêu chuẩn 2: Nhân sự

1. Tiêu chí 2.1: Nhân sự chuyên môn để thực hiện ra đề thi, chấm thi phải có: tối thiểu 30 người đối với tiếng Anh; tối thiểu 20 người đối với các môn ngoại ngữ khác và tiếng Việt.

a) Nhân sự chuyên môn đối với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ phải có trình độ tối thiểu bằng thạc sĩ của một trong các ngành/chuyên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, khoa học giáo dục; được đào tạo, bồi dưỡng về ra đề thi/chấm thi nói và viết; chỉ được thực hiện nhiệm vụ ra đề thi/chấm thi đối với các định dạng đề thi bằng hoặc thấp hơn trình độ ngoại ngữ (bậc) mình đã đạt được.

b) Nhân sự chuyên môn đối với thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải có trình độ tối thiểu là thạc sĩ thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học văn hóa Việt Nam hoặc ngành Văn học hoặc chuyên ngành Ngữ văn/tiếng Việt thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục.

2. Tiêu chí 2.2: Có đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu để sử dụng các thiết bị tin học phục vụ cho việc tổ chức thi, coi thi và chấm thi.

Các nhân sự được quy định tại tiêu chí 2.1 và 2.2 của tiêu chuẩn này phải là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức hoặc người lao động đã được ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại đơn vị tổ chức thi.

III. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

1. Tiêu chí 3.1: Các phòng thi phải bảo đảm có đủ ánh sáng, bàn ghế, bảng hoặc màn chiếu; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài; hệ thống phòng cháy chữa cháy. Đối với phòng thi tổ chức thi kỹ năng nói trực tiếp trước giám khảo phải có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm và ghi hình.

2. Tiêu chí 3.2: Có công tơ hoặc máy quét cầm tay để rà soát vật dụng và

trang thiết bị thí sinh được mang vào phòng thi.

3. Tiêu chí 3.3: Có hệ thống máy tính gồm máy chủ, các máy tính cho thí sinh dự thi, thiết bị lưu điện, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để tổ chức thi trên máy vi tính cho ít nhất 100 thí sinh đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và 30 thí sinh đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt trong một lượt thi.

a) Mỗi phòng thi có số lượng máy tính dự phòng ít nhất bằng 5% tổng số thí sinh trong phòng thi.

b) Máy vi tính trong phòng thi được bố trí với cự ly phù hợp hoặc được ngăn cách bằng các vách ngăn bảo đảm các thí sinh không nhìn thấy nội dung trên màn hình máy vi tính của thí sinh khác, có cấu hình tương đương với nhau, bảo đảm hoạt động ổn định, có thiết bị chụp ảnh, tai nghe (headphone) và micro bảo đảm chất lượng, số lượng tai nghe và micro dự phòng bằng ít nhất 10% tổng số thí sinh trong phòng thi.

c) Có thiết bị/giải pháp để bảo đảm an ninh, an toàn cho hệ thống mạng và đề thi (trong trường hợp vận chuyển đề thi qua hệ thống mạng internet).

4. Tiêu chí 3.4: Có hệ thống camera giám sát được toàn bộ diễn biến của quá trình tổ chức thi tại phòng thi, phòng chấm thi, khu vực đặt máy chủ chứa dữ liệu tổ chức thi; màn hình theo dõi hệ thống camera được đặt tại phòng trực thi.

IV. Tiêu chuẩn 4: Phần mềm tổ chức thi

1. Tiêu chí 4.1: Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, sử dụng; có khả năng ngắt kết nối với các ứng dụng và thiết bị bên ngoài không liên quan đến nội dung thi. Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản thi cá nhân.

2. Tiêu chí 4.2: Có các chức năng: chụp ảnh thí sinh và đưa vào dữ liệu thi đối với từng thí sinh; đồng hồ đếm ngược; xem trước câu hỏi tiếp theo, thống kê câu hỏi đã trả lời; tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm; tự động đăng xuất và lưu trữ bài làm, kết quả thi của thí sinh khi hết thời gian làm bài; có chức năng để phục vụ chấm thi kỹ năng nói và viết; có chức năng sao lưu dữ liệu.

V. Tiêu chuẩn 5: Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi

1. Tiêu chí 5.1: Cung cấp thông tin về định dạng đề thi, đề minh họa, công bố danh sách thí sinh vi phạm quy chế thi và bị cấm thi; công bố quy định, quy trình tổ chức thi, thông báo lịch thi và địa điểm thi.

2. Tiêu chí 5.2: Có chức năng để thí sinh đăng ký dự thi, tra cứu kết quả thi.

3. Tiêu chí 5.3: Có chức năng để hỗ trợ các đơn vị sử dụng chứng chỉ trong việc tra cứu và xác minh kết quả thi, chứng chỉ thi của thí sinh. Chức năng tra cứu phải cung cấp được các thông tin sau: Họ và tên thí sinh, ngày sinh, số thẻ căn

cước/căn cước công dân/hộ chiếu, ảnh chụp thí sinh khi dự thi, ngày thi, kết quả thi, số hiệu chứng chỉ, bậc đạt được.

VI. Tiêu chuẩn 6: Ngân hàng câu hỏi thi và Đề thi

1. Tiêu chí 6.1: Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Bước 1: Thành lập nhóm chuyên gia và nhóm cán bộ điều phối xây dựng ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn; căn cứ năng lực và hiệu quả công tác của các cán bộ và chuyên gia để thành lập nhóm chuyên gia tham gia xây dựng ngân hàng câu thi chuẩn hóa và nhóm cán bộ điều phối theo từng nhiệm vụ cụ thể.

Bước 2: Xây dựng ma trận đề thi và thiết kế bản đặc tả đề thi

Các đơn vị dựa trên định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ/năng lực tiếng Việt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức làm việc tập trung theo nhóm chuyên gia để xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi theo từng lĩnh vực bao gồm: mục tiêu đánh giá, dạng thức câu hỏi, thang bậc năng lực cần đánh giá, lĩnh vực kiến thức, độ khó của câu hỏi và các yêu cầu khác (nếu cần).

Bước 3: Soạn thảo câu hỏi thô

Bổ trí làm việc tập trung theo từng đặc thù của từng môn ngoại ngữ hoặc tiếng Việt và thực hiện các nội dung sau:

- Căn cứ vào bản đặc tả đề thi, Tổ trưởng chuyên gia soạn thảo câu hỏi thi phân công nhiệm vụ viết câu hỏi cho từng thành viên trong tổ và hướng dẫn các thành viên biên soạn câu hỏi thi; các thành viên của mỗi tổ xây dựng ý tưởng và soạn thảo nội dung câu hỏi và đáp án trực tiếp trên máy tính không kết nối mạng ra khỏi khu vực biên soạn câu hỏi thi. Sau khi các thành viên biên soạn xong, Tổ trưởng chịu trách nhiệm đọc thẩm định, biên tập và duyệt từng câu hỏi thi;

- Kết thúc mỗi đợt biên soạn, các chuyên gia bàn giao sản phẩm cho cán bộ điều phối và cùng ký biên bản giao nhận. Tổ trưởng lập bảng tổng hợp số lượng biên soạn câu hỏi thô của từng thành viên, ký xác nhận và nộp cho cán bộ điều phối.

Bước 4: Rà soát, chọn lọc, biên tập và thẩm định câu hỏi

- Chuyên gia thẩm định nội dung câu hỏi thẩm định về nội dung chuyên môn, lời dẫn và dạng thức câu hỏi đảm bảo đúng yêu cầu của bản đặc tả đề thi;

- Chuyên gia thẩm định kỹ thuật câu hỏi thẩm định về kỹ thuật viết câu hỏi, lời dẫn và các phương án trả lời của câu hỏi;

- Các chuyên gia biên tập sửa trực tiếp và đề xuất các ý kiến chỉnh sửa (nếu có) đối với từng câu hỏi;

- Sau khi có ý kiến của chuyên gia biên tập, thẩm định, chuyên gia soạn thảo câu hỏi (tác giả) trực tiếp chỉnh sửa các câu hỏi;

- Tổ trưởng của mỗi nhóm sẽ đọc các ý kiến phản biện, thẩm định của các

chuyên gia, rà soát lại các chỉnh sửa của tác giả, trực tiếp chỉnh sửa và hoàn thiện câu hỏi lần cuối.

Bước 5: Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi

- Các câu hỏi sau khi được thẩm định, biên tập sẽ được tổ hợp để tiến hành thử nghiệm, đánh giá;
- Triển khai thử nghiệm các tổ hợp câu hỏi, đảm bảo mẫu thử nghiệm tối thiểu 50 học sinh;
- Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, tiến hành nhập/chiết xuất dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh; làm sạch dữ liệu đã có để chuẩn bị cho công tác phân tích;
- Các chuyên gia phân tích câu hỏi thi sử dụng các phần mềm khảo thí chuyên dụng để thực hiện phân tích các thông số định chuẩn của câu hỏi, đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, hoặc loại bỏ.

Bước 6: Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm

- Căn cứ báo cáo của chuyên gia phân tích câu hỏi, tổ chức cho các nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa câu hỏi;
- Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo kết quả phân tích đảm bảo câu hỏi phù hợp với yêu cầu của bản đặc tả đề thi đã được phê duyệt.

Bước 7: Xây dựng đề thi, thử nghiệm, phân tích, đánh giá, cân bằng độ khó của các đề thi

- Các câu hỏi sau khi được chỉnh sửa sẽ được cấu trúc thành các đề thi theo đúng bản đặc tả đề thi để thử nghiệm;
- Triển khai thử nghiệm các đề thi đảm bảo mẫu thử nghiệm tối thiểu 50 học sinh;
- Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, tiến hành nhập/chiết xuất dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh; làm sạch dữ liệu đã có để chuẩn bị cho công tác phân tích;
- Các chuyên gia phân tích sử dụng các phần mềm chuyên dụng để thực hiện phân tích đề thi, đánh giá độ khó, tính cân bằng giữa các đề thi và với đề thi mẫu đã chuẩn hóa; đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, những câu hỏi phải loại bỏ trong mỗi đề thi.

Bước 8: Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi

- Căn cứ báo cáo của chuyên gia phân tích câu hỏi, tổ chức cho các nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa câu hỏi;
- Các nhóm chuyên gia chỉnh sửa câu hỏi theo kết quả phân tích đảm bảo câu hỏi phù hợp với yêu cầu của bản đặc tả đề thi đã được phê duyệt.

Bước 9: Rà soát, lựa chọn, nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa

Các câu hỏi được chỉnh sửa và hoàn thiện sau khi thử nghiệm sẽ được nhóm chuyên gia rà soát, lựa chọn để đưa vào ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa.

2. Tiêu chí 6.2: Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng theo quy trình tại tiêu chí 6.1 của Thông tư này bảo đảm có đủ câu hỏi thi để tạo ra tối thiểu 70 đề thi đối với tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tối thiểu 30 đề thi đối với tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

3. Tiêu chí 6.3: Đề thi phải theo đúng cấu trúc định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đề thi của mỗi lần thi được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi; trong cùng một lần thi, mỗi thí sinh trong phòng thi có một mã đề thi riêng; các thí sinh ngồi cạnh nhau theo hàng ngang không trùng nhau về nội dung và câu hỏi thi. Để bảo đảm việc rút câu hỏi thi là ngẫu nhiên và khách quan, chỉ thực hiện rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi để tạo đề thi khi có đủ câu hỏi thi để tạo ra tối thiểu 20 đề thi. Các câu hỏi thi đã sử dụng chỉ được dùng lại sau tối thiểu 12 tháng. Đề thi của mỗi lần thi phải được lưu ra đĩa CD hoặc DVD (bản word, file pdf và các file âm thanh), được niêm phong theo quy định để sử dụng cho việc hậu kiểm.

4. Tiêu chí 6.4: Trước ngày 31/12 hằng năm, phải bổ sung đề thi vào ngân hàng câu hỏi thi và bảo đảm số lượng đề thi để sử dụng cho năm tiếp theo tối thiểu là 70 đề thi đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tối thiểu 30 đề thi đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt (không tính đề thi đã tổ chức thi khi chưa được dùng lại theo quy định tại tiêu chí 6.3). Các đơn vị tổ chức thi có thể dùng chung ngân hàng câu hỏi thi, đề thi để tổ chức thi.

PHỤ LỤC II**MẪU ĐỀ ÁN**

TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ/TIẾNG VIỆT
(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm)

I. Tên Đề án:

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO
KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Hoặc

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO
KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

II. Nội dung Đề án:**1. Giới thiệu về đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ/tiếng Việt****1.1.****1.2.**

...

2. Tổ chức và quản trị tổ chức thi**3. Cơ sở vật chất tổ chức thi****4. Phần mềm tổ chức thi****5. Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi****6. Đề thi, ngân hàng câu hỏi thi**

7. Quy định tổ chức thi quyền hạn trách nhiệm của những người tham gia tổ chức thi, những người dự thi.

8. Quy trình tổ chức thi trong đó cần nêu rõ quy trình chuẩn bị thi, quy trình coi thi, quy trình chấm thi, phúc khảo,...

9. Các biểu mẫu thông báo: lịch thi (bao gồm thời gian, địa điểm về việc tổ chức thi, đề thi mẫu; lệ phí thi, các loại lệ phí khác (nếu có); cách thức tra cứu kết quả thi; số điện thoại, email, đường dây nóng (nếu có) để tiếp nhận, xử lý các vấn đề liên quan, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người dự thi.

10. Phụ lục:

cung cấp các hồ sơ minh chứng về năng lực, kinh nghiệm đào tạo và tổ chức thi ngoại ngữ của cơ sở; minh chứng về điều kiện cơ sở vật chất, quy định và quy trình tổ chức thi, phần mềm tổ chức thi, trang thông tin điện tử,

TÊN CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

PHỤ LỤC III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ/TIẾNG VIỆT

(Kèm theo báo cáo số ngày .../.../... của)

STT	Tên địa điểm tổ chức	Địa chỉ tổ chức	Môn ngoại ngữ (*)	Đợt thi (Ngày tổ chức thi)	Tổng số thí sinh dự thi	Tổng số thí sinh vi phạm quy chế	% Số lượng chứng chỉ ngoại ngữ đã cấp				Tổng số thí sinh được cấp chứng chỉ	Tỷ lệ cấp chứng chỉ %	Ghi chú
							Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6		
1													
2													

(*) Đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt không cần cột này.

....., ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)